

Số : 1136/TM-TTYT  
V/v yêu cầu báo giá vật tư xét nghiệm

Tân Kỳ, ngày 11 tháng 11 năm 2024

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư xét nghiệm tháng 11 năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ.

Địa chỉ: Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Thái Thị Thanh Lâm (khoa Dược – Trang thiết bị, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ) SĐT: 0362650968, email: dauthauttytk@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá bản cứng tại địa chỉ: Khoa Dược – Trang thiết bị, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ, Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 11 tháng 11 năm 2024 đến hết ngày 21 tháng 11 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2024.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hoá yêu cầu báo giá: Tại *phụ lục 1* đính kèm công văn này.

Lưu ý: Nhà sản xuất/Nhà cung cấp thực hiện báo giá theo mẫu tại *phụ lục 2* đính kèm công văn này.

2. Địa điểm cung cấp: Giao hàng trực tiếp về kho Khoa Dược, Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ, Khối 4, thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Trong quá trình vận chuyển, hàng hóa được bảo quản theo yêu cầu của nhà sản xuất.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Sau khi ký hợp đồng, thời gian giao hàng trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị đặt hàng.

4. Các thông tin khác (nếu có): Không yêu cầu.

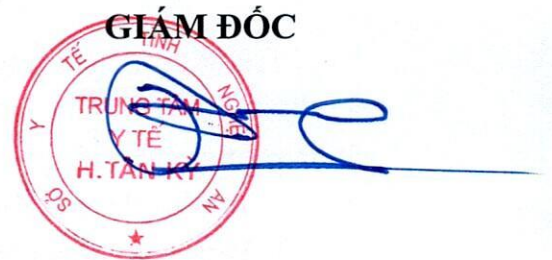
Bên chào giá đồng ý cho Trung tâm được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các bản báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia chào giá.

Bản báo giá của Quý công ty sẽ là căn cứ để Trung tâm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình mua sắm. Rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận :**

- Như kính gửi;
- Ban giám đốc (để b/c);
- Website Trung tâm;
- Lưu VT,KD.



Thái Hải Đăng



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ  
HUYỆN TÂN KỲ

(Ban hành kèm Thư mời chào giá số 136 /TM-TTYT ngày 11/11/2024 của TTYT huyện Tân Kỳ)



| TT | Hàng hóa mời<br>báo giá              | Đặc tính kỹ thuật mặt hàng báo giá   | Đơn vị<br>tính | Quy cách           | Số<br>lượng |
|----|--------------------------------------|--|----------------|--------------------|-------------|
| 1  | GOT (ASAT)<br>IFCC fluid<br>(5+1)    | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng GOT (ASAT) ở huyết thanh.<br>huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.8 (30°C): 80.00<br>mmol/l; L-Aspartate: 200.00 mmol/l; LDH: $\geq 1.6$ U/ml; MDH: $\geq 0.5$<br>U/ml; NADH: 0.18 mmol/l; $\alpha$ -Ketoglutarate: 12 mmol/l - Khoảng đo:<br>5-700 U/l - Độ chính xác: CV (%) (của độ tái lập) $\leq 2.41$  | Hộp            | Hộp (3 x 84<br>ml) | 3           |
| 2  | GPT (ALAT)<br>IFCC fluid<br>(5+1)    | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng GPT (ALAT) ở huyết thanh.<br>huyết tương người - Thành phần: TRIS-Buffer pH 7.5 (25°C): 70.00<br>mmol/l; L-Alanine: 410.00 mmol/l; LDH: $\geq 1.7$ U/ml; NADH: 0.3<br>mmol/l; $\alpha$ -Ketoglutarate: 18 mmol/l - Khoảng đo: 5-700 U/l  | Hộp            | Hộp (3 x 84<br>ml) | 3           |
| 3  | Creatinin Jaffe<br>kin. fluid (5+1)  | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng Creatinine ở huyết thanh.<br>huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: NaOH: 187.8 mmol/l;<br>Phosphate: 7.5 mmol/l; Picric acid: 8.73 mmol/l - Khoảng đo: 0.1-20<br>mg/dl  | Hộp            | Hộp (3 x 84<br>ml) | 2           |
| 4  | Triglyceride<br>fluid<br>Monoreagent | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng Triglycerides ở huyết thanh<br>và huyết tương người - Thành phần: Pipes buffer pH 7.0: 40 mmol/l; 4-<br>Chlorophenol: 5 mmol/l; Magnesium ion: 5 mmol/l; ATP: 1 mmol/l;<br>Peroxidase: $\geq 1$ U/ml; Glycerol kinase: $\geq 1$ U/ml; 4-aminoantipyrine:<br>0.4 mmol/l; Glycerol-3-phosphate oxidase: $\geq 3.5$ U/ml; natri azide: 0.05<br>%; Detergents - Khoảng đo: 10-1000 mg/dl | Hộp            | Hộp (5 x 67<br>ml) | 2           |



| TT | Hàng hóa mới bảo giá | Đặc tính kỹ thuật mặt hàng bảo giá   | Đơn vị tính | Quy cách          | Số lượng |
|----|----------------------|--|-------------|-------------------|----------|
| 5  | Urea UV Fluid 5+1    | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng Urea ở huyết thanh. huyết tương và nước tiểu người - Thành phần: TRIS buffer pH 8.1 (20°C): 50.00 mmol/l; $\alpha$ -Ketoglutarate: 15.00 mmol/l; Urease: $\geq$ 1000 U/l; Glutamate dehydrogenase: $\geq$ 5.4 KU/l; NADH: 0.18 mmol/l - Khoảng đo: 3-400 mg/dl   | Hộp         | Hộp (3 x 84 ml)   | 2        |
| 6  | Glucose HK fluid 5+1 | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng Glucose ở huyết thanh. huyết tương người - Thành phần: Hexokinase: $\geq$ 100 U/ml; G6P-DH: $\geq$ 300 U/ml; natri azide: 0.09 %; PIPES buffer pH 7.6: 100 mmol/l; Magnesium acetate: 10 mmol/l; ATP: 4 mmol/l; NAD: 3 mmol/l; natri azide: 0.09 % - Khoảng đo: 7-700 mg/dl  | Hộp         | Hộp (3 x 84 ml)   | 7        |
| 7  | PT ISII              | Thời gian prothrombin (PT) là xét nghiệm dùng để nghiên cứu các vấn đề trong quá trình kết đông cùng với xét nghiệm APTT và các xét nghiệm khác. Thời gian prothrombin là thời gian cần thiết để hình thành fibrin kết đông sau khi thêm canxi thromboplastin trích xuất từ não thỏ vào mẫu máu trong natri citrat. Thành phần: Chất thử 1 Thromboplastin, trích xuất từ não thỏ, chất đệm PIPES, natri azide là chất bảo quản. Lưu trữ ở 2-8°C. Ông nghiệm R1 hoàn nguyên có thể được dùng ngay và giữ ổn định ở +2/+8°C, lưu trữ trong ông nghiệm gốc chưa nhiễm bẩn. Trị số chuẩn: PT 13-17 giây ; PT (tỉ lệ) 0,90 – 1,20 ; PT (hoạt hóa) 120-70%; PT (INR) 0,88 – 1,24 | Hộp         | 5x4ml             | 1        |
| 8  | Cuvette              | Cuvette phản ứng loại công phản ứng dùng trong máy xét nghiệm đông máu (160 chiếc / hộp)   | Hộp         | (160 chiếc / hộp) | 4        |
| 9  | Wash Solution 1      | - Dung dịch tẩy rửa có tính axit để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa Thành phần: Oxalic acid $\leq$ 0.15 g/l; Citric acid $\leq$ 0.25 g/l; PEG 400 $\leq$ 0.4 g/l  | Hộp         | Hộp (5 x 67 ml)   | 2        |

| TT                       | Hàng hóa mời<br>báo giá | Đặc tính kỹ thuật mặt hàng báo giá  | Đơn vị<br>tính | Quy cách                  | Số<br>lượng |
|--------------------------|-------------------------|---|----------------|---------------------------|-------------|
| 10                       | Wash Solution<br>2      | - Dung dịch tẩy rửa có tính kiềm để làm sạch các quá trình trên máy phân tích sinh hóa, Thành phần: 2-Aminoethanol ≤ 100 g/l; natri sulfite ≤ 0.1%; EDTA-Na ≤ 0.5 %; Nonionic detergent ≤ 7%  | Hộp            | Hộp (5 x 65<br>ml)        | 2           |
| 11                       | Bi từ                   | Bi từ phản ứng, loại dùng cho máy xét nghiệm đông máu, 640 viên / lọ  | Lọ             | 640 viên / lọ             | 1           |
| 12                       | Fibrinogen              | Trị số có đặc fibrinogen theo thời gian đã được quan sát trong các giai đoạn viêm nhiễm cấp tính và quá trình mang thai (trị số cao); trị liệu trombolit, các bệnh gan, trường hợp không có fibrinogen bẩm sinh, hội chứng đông máu rải rác nội mạch và bệnh viêm tụy (trị số thấp). Thành phần: Bovine thrombine, Calibrator plasma, Control plasma. Giữ ổn định: 8 tiếng ở nhiệt độ phòng (15-25 độ C), 2 ngày nếu làm đông ở - 20 độ C ngay lập tức sau khi pha loãng. Chỉ giữ ổn định chất thử trong ống nghiệm ban đầu. Kết quả: 2 – 4 g/L (200 – 400 mg/dl) Fibrinogen. | Hộp            | 5x2ml<br>+1x1ml<br>+1x1ml | 2           |
| 13                       | Albumin fluid<br>Mono   | - Mục đích sử dụng: xác định định lượng Albumin ở huyết thanh và huyết tương người - Thành phần: Succinate pH 4.2: 75.00 mmol/l; Bromocresolgreen: 0.15 mmol/l; Brij 35 Detergent: 2 g/l - Khoảng đo: 0.15 - 8 g/dl - Độ chính xác: CV (%)(của độ tái lặp) ≤ 1.74   | Hộp            | Hộp (5 x 67<br>ml)        | 1           |
| <b>Tổng: 13 mặt hàng</b> |                         |   |                |                           |             |



**PHỤ LỤC 2**

Công ty .....

Địa chỉ/SĐT .....



....., Ngày..... tháng ..... Năm.....

**BÁO GIÁ**

Kính gửi: **Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá số /TM-TTYT ngày ... tháng ... năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Tân Kỳ, chúng tôi .... [ghi tên địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các mặt hàng hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:**

| STT | Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup> | Tên thương mại <sup>(3)</sup> | Thông số kỹ thuật <sup>(5)</sup> | Đơn vị tính <sup>(6)</sup> | Quy cách <sup>(7)</sup> | Năm sản xuất <sup>(9)</sup> | Xuất xứ <sup>(10)</sup> | Số lượng/ khối lượng <sup>(11)</sup> | Đơn giá <sup>(12)</sup> (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(13)</sup> (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(14)</sup> (VND) | Thành tiền <sup>(15)</sup> (VND) |
|-----|---------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------|-------------------------|-----------------------------|-------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|---|--|----------------------------------|
| 1   |                                       |                               |                                  |                            |                         |                             |                         |                                      |                               |   |  |                                  |
| 2   |                                       |                               |                                  |                            |                         |                             |                         |                                      |                               |   |  |                                  |
| n   |                                       |                               |                                  |                            |                         |                             |                         |                                      |                               |   |  |                                  |

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày, kể từ ngày ..... tháng ..... năm 2024.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Các thông số kỹ thuật sản phẩm báo giá tại mục 1 của bản báo giá đúng với các thông tin trong tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật của thiết bị y tế do chúng tôi chào giá và phù hợp với các đặc tính kỹ thuật theo yêu cầu của bên mời chào giá (tại phụ lục 1).

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực. Chúng tôi chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trong bản báo giá.

....., ngày..... tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**<sup>(16)</sup>

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

**Ghi chú:**

- (1) Mã HH ghi theo mã hàng hoá mời chào giá
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chung loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi tên thương mại của hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể Mã hiệu, model của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “danh mục thiết bị y tế”.
- (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi các thông số kỹ thuật của thiết bị y tế phù hợp với thông số kỹ thuật mời chào giá
- (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể đơn vị tính, quy cách của thiết bị y tế.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất của thiết bị y tế.
- (9), (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.



- (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế [đã bao gồm chi phí cho các dịch vụ liên quan (13), thuế, phí, lệ phí (14)] tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (13) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (14) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (15) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND).

- (16) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.